

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, Đường trục Khu kinh tế nổi dài (đợt 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài;

Xét đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 27/TTr-HĐBT ngày 08/02/2021 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 121/TTr-STNMT ngày 25/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài (đợt 2), như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: **1.565.230.834 đồng** (Một tỷ, năm trăm sáu mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi ngàn, tám trăm ba mươi bốn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 1.531.537.020 đồng

(Chi tiết như Phụ lục I kèm theo)

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 30.630.740 đồng

- Chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế: 3.063.074 đồng

* Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách tỉnh.

2. Đối với phần diện tích đất nông nghiệp thu hồi 980,9m² nằm ngoài chỉ giới giải phóng mặt bằng của dự án: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh hoàn tất hồ sơ, thủ tục bàn giao cho UBND xã Cát Tiến quản lý theo quy định và không được tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi phần diện tích đất này.

(Chi tiết như phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Chủ tịch UBND xã Cát Tiến; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2021 của UBND tỉnh)

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BD	Mảnh chính lý số	Loại đất	Vị trí thửa đất	Hạng đất	Nhân khẩu	Tổng diện tích thửa đất (m²)	Diện tích bị thu hồi (m²)	Diện tích đất nông nghiệp được bồi thường, hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Cây cối (đồng)	Các khoản hỗ trợ khác (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)		
													Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Giá trị hỗ trợ về đất (đồng)						
I	Đối với các hộ dân bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng									320,7	320,7	320,7	20.845.500	62.536.500	83.382.000	994.170	0	84.376.170		
1	Cao Thị Ngàn	Thôn Phú Hậu, xã Cát Tiến	160	15	1	LUK	1	5		320,7	320,7	320,70	20.845.500	62.536.500	83.382.000	994.170	0	84.376.170		
II	Đối với các hộ dân bị thu hồi từ 10% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng									5.841,8	3.930,0	3.930,0	255.450.000	766.350.000	1.021.800.000	12.183.000	20.691.000	1.054.674.000		
2	Nguyễn Xuân Lang (chết), vợ Huỳnh Thị Mười	Thôn Phú Hậu, xã Cát Tiến	252	15	1	LUK	1	5	6	654,1	654,1	654,10	42.516.500	127.549.500	170.066.000	2.027.710	6.534.000	178.627.710		
3	Nguyễn Thị Sáu (chết), con Mai Kim Anh ĐĐKK	Thôn Phú Hậu, xã Cát Tiến	114	15	1	LUK	1	5	6	741,8	287,2	287,20	18.668.000	56.004.000	74.672.000	890.320	6.534.000	82.096.320		
4	Đỗ Thị Thôi, chồng Đỗ Văn Sơn	Thôn Phú Hậu, xã Cát Tiến	339	15	1	LUK	1	5	2	3.602,5	2.145,3	2.145,30	139.444.500	418.333.500	557.778.000	6.650.430	2.178.000	566.606.430		
			16	16																
5	Phan Cước, vợ Trần Thị Mười	Thôn Phú Hậu, xã Cát Tiến	338	15	1	LUK	1	5	5	843,4	843,4	843,40	54.821.000	164.463.000	219.284.000	2.614.540	5.445.000	227.343.540		
III	Đối với các hộ dân bị thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng									1.483,5	1.483,5	1.483,5	96.427.500	289.282.500	385.710.000	4.598.850	2.178.000	392.486.850		
6	Nguyễn Thị Sáu	Thôn Phú Hậu, xã Cát Tiến	363	15	1	LUK	1	5	5	1.483,5	1.483,5	1.483,50	96.427.500	289.282.500	385.710.000	4.598.850	2.178.000	392.486.850		
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ									7.646,0	5.734,2	5.734,2	372.723.000	1.118.169.000	1.490.892.000	17.776.020	22.869.000	1.531.537.020		
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB (Ax2%)																		30.630.740	
C	Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất (Bx10%)																		3.063.074	
D	Tổng cộng (A+B+C)																			1.565.230.834

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI NẴM NGOÀI PHẠM VI
GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN KHU ĐẤT Ở, DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TẠI KM0+280,
ĐƯỜNG TRỤC KHU KINH TẾ NỘI DÀI (ĐỢT 2)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2021 của UBND tỉnh)

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Mảnh chính lý số	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích bị thu hồi các dự án trước (m ²)	Diện tích thu hồi trong phạm vi GPMB dự án này	Diện tích thu hồi ngoài phạm vi GPMB
1	Cao Thị Ngân	Phú Hậu	160	15	1	LUK	320,7	0,0	310,0	10,7
2	Nguyễn Xuân Lang (chết), vợ Huỳnh Thị Mười	Phú Hậu	252	15	1	LUK	654,1	0,0	495,9	158,2
3	Nguyễn Thị Sáu (chết), con Mai Kim Anh ĐDKK	Phú Hậu	114	15	1	LUK	741,8	454,6	175,0	112,2
	Tổng cộng						1.716,6	454,6	980,9	281,1